TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 744/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thùy
2. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 821/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1989; CCCD: 087189000232; Địa chỉ thường trú: B L, phường T (trước đây là: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1983; CMND: 023881471; Địa chỉ: B L, phường T (trước đây là: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang tạm giam tại: B B, quản giáo 2, Trại giam C (T30, C) xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Bà và ông Nguyễn Tiến D tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 15/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T (trước đây là: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, bà ở nhà nội trợ và chăm sóc các con. Vợ chồng sẽ không có cãi vã, to tiếng nếu bà chịu nhẫn nhịn, hy sinh nhưng bà cảm nhận được những mâu thuẫn rất lớn giữa hai vợ chồng. Đó là không có sự hòa hợp trong cuộc sống, không có sự yêu thương, chia sẽ lẫn nhau. Từ ngày ông D bị bắt đến nay đã được khoảng 5 năm, bà vừa đi làm vừa tự lo cho 02 con nhưng bà cảm thấy rất nhẹ nhàng, thoải mái. Hiện

nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông D đang chờ thi hành án tử hình nên khả năng hàn gắn là không có nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 03/5/2016 và Nguyễn Ngọc Bảo A – sinh ngày 13/02/2020. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2025 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H, bị đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Trúc L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn tuy nhiên, hiện nay ông đang chờ chấp hành án tử hình, cơ hội hàn gắn là không có và bà L còn trẻ nên ông đồng ý ly hôn để bà L sắp xếp lại cuộc sống. Do điều kiện cá nhân nên ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 03/5/2016 và Nguyễn Ngọc Bảo A – sinh ngày 13/02/2020. Do ông không có điều kiện để chăm sóc và cấp dưỡng cho con nên ông đồng ý giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Có nhưng giá trị không nhiều, cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành hòa giải, tuy nhiên do bị đơn có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do đó Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, tuy bị đơn đang chấp hành án tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H nhưng có có địa chỉ cư trú trước khi chấp hành án là tại phường T (trước đây là Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 108, số 01/2015 đăng ký ngày 15/6/2015 do Ủy ban nhân dân phường T (trước đây là: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo công văn của Ủy ban nhân dân phường T, được biết không nhận được thông tin hay đơn thư yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình giữa hai bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có; bị đơn đồng ý ly hôn. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Phía nguyên đơn yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét, nguyên đơn là người trực tiếp nuôi các con trong suốt thời gian từ nhỏ cho đến hiện tại; phía bị đơn hiện đang chờ thi hành án nên không có điều kiện chăm sóc hay cấp dưỡng cho các con. Do đó, để không làm thay đổi hoàn cảnh sống cũng như để đảm bảo điều kiện cho các con phát triển tốt nhất, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Về tài sản chung: Cả hai yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Trúc L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Tiến D.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L được quyền nuôi dưỡng, giáo dục các con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H – sinh ngày 03/5/2016 và Nguyễn Ngọc Bảo A – sinh ngày 13/02/2020 cho đến khi các con lần lượt đủ tuổi thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Tiến D do bà L không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Trúc L chịu, được cấn trừ vào số tiền bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0028963 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 4, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo